

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 110/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Oanh;

- Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp A, xã PC, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Từ Văn H**, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp A, xã PC, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh Từ Văn H tiến đến hôn nhân thông qua người làm mai, nhưng trước đó chị đã biết anh H từ năm 17 tuổi. Khi chị 18 tuổi thì anh H cưới chị nhưng chị không đồng ý, anh H đi lấy vợ, sau đó ly hôn với vợ thì trở về cưới chị vào năm 2000. Nhưng đến ngày 19-7-2003, sau khi sinh con xong thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PC, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng sống bên gia đình anh H được gần 01 năm thì ra ở riêng cũng ở cùng ấp 1, xã PC. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, cũng không còn quan tâm đến chị, anh H cho rằng chị đi làm công ty có quen người khác nhưng thực tế không có vì chị đi làm chung với

em dâu của chị. Anh H ghen tuông, gia đình anh H cũng đặt điều nói chị có qua lại với người đàn ông khác là chủ xe đưa rước chị đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó, vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm lạnh nhạt, anh H cũng có dẫn bạn gái về nhà. Hơn nữa, anh H cũng nhiều lần đánh đập chị, có lần chị phải thuê nhà trọ sinh sống, chị không chịu về thì cha mẹ chồng chị có nhờ cha mẹ ruột chị kêu chị về, khi chị về thì anh H vẫn không thay đổi tính tình. Do anh H lấy dao rượt chém chị nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống từ năm 2016 cho đến nay, hai bên cũng không có hòa giải, hàn gắn gì được, toàn bộ giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy kết hôn anh H đều giữ không giao cho chị. Nay chị và anh H đã không còn liên lạc, không ai quan tâm đến ai, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung là Từ Thị Diễm K, sinh năm 2001 hiện đã trưởng thành, có công việc tự nuôi sống bản thân được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Cha mẹ chồng có cho 02 công ruộng và cất căn nhà khoảng hơn 100 triệu đồng, chị sẽ thỏa thuận yêu cầu anh H giao cho con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Từ Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị C, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị C và anh Từ Văn H tranh chấp về ly hôn; anh H cư trú tại ấp 1, xã PC, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Từ Văn H không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Từ Văn H là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã PC, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận

kết hôn số 50, ngày 19-7-2003. Sau khi đám cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được đến khoảng năm 2016 thì mâu thuẫn do anh H nghi ngờ chị C có quan hệ bất chính với người khác nên có lần đánh chị, đuổi chị đi nên từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn khác làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân 04 năm nhưng không có biện pháp gì hàn gắn. Mặc dù lời trình bày này chỉ do chị C nêu nhưng anh H không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Anh H không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị C, cũng như để hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu như còn yêu thương vợ nên xem như anh H đã không còn quan tâm đến hôn nhân của anh và chị C. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* và *“vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”*. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị C và anh H đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Giữa chị C và anh H có 01 con chung là Từ Thị Diễm K, sinh ngày 19-8-2001, hiện chị K đã trưởng thành và có công việc để nuôi sống bản thân. Chị C, anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con, tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử xét không xét đến.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C. Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Từ Văn H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000**33 ngày 15-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của anh Từ Văn H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã PC, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thực